

Mua vào

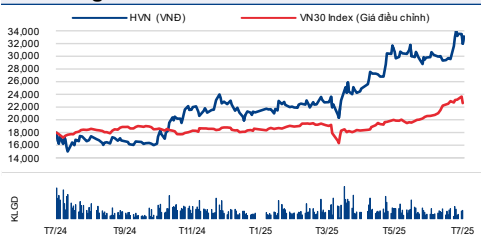
Giá mục tiêu: VNĐ41,611

Tiềm năng tăng/giảm: 25.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2025)	33,100
Mã Bloomberg	HVN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	15,013-34,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,867
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	92,990
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,549
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,809
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	664
Slg CP NN được mua (tr.đv)	468
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	8.84%
Tỷ lệ freefloat	6.99%
Cổ đông lớn	Bộ Tài Chính (55.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	105,942	113,474	115,643
EBITDA đc (tỷ đồng)	11,817	16,755	14,444
LNTT (tỷ đồng)	8,325	11,703	9,463
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,473	10,785	8,633
FCF (tỷ đồng)	9,120	136	2,306
EPS ĐC (đồng)	2,660	3,190	2,185
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	(3,565)	2,466	4,645
T.trưởng EBITDA (%)	248	41.8	(13.8)
T.trưởng EPS ĐC (%)	226	19.9	(31.5)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.2	14.8	12.5
Tỷ suất LNTT (%)	7.86	10.3	8.18
Tỷ suất LNT ĐC (%)	7.05	9.50	7.47
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	(160)	69.5	23.3
ROAE (%)	(54.3)	(7,958)	61.4
ROACE (%)	(554)	115	41.5
EV/doanh thu (lần)	1.03	1.22	1.17
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.27	8.24	9.38
P/E ĐC (lần)	12.4	10.4	15.2
P/B (lần)	(9.29)	13.4	7.13
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia Việt Nam, được thành lập từ năm 1995

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp

trang.ctmai@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2025: LNTT từ HĐKD cốt lõi tăng mạnh 119% so với cùng kỳ; vượt 20% so với dự báo

- HVN công bố KQKD Q2/2025 tích cực với doanh thu thuần đạt 27,9 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 3,1 nghìn tỷ đồng (tăng 167% so với cùng kỳ).
- LNTT từ HĐKD cốt lõi, sau khi loại trừ các khoản mục không thường xuyên, tăng mạnh 119% so với cùng kỳ đạt 2,4 nghìn tỷ đồng, vượt 20% so với dự báo 2,0 nghìn tỷ đồng của HSC nhờ chi phí đơn vị thấp hơn kỳ vọng do giá nhiên liệu bay giảm. Ngoài yếu tố chi phí đơn vị cải thiện, lợi nhuận HĐKD cốt lõi tăng so với cùng kỳ còn được hỗ trợ bởi lưu lượng hành khách tốt hơn và hệ số sử dụng ghế cao hơn.
- Nhờ kết quả tích cực này, LNTT từ HĐKD cốt lõi nửa đầu năm 2025 đạt 6,3 nghìn tỷ đồng, tăng 106% so với cùng kỳ và đạt 54% dự báo cả năm 2025 của HSC. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo của mình.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 41.611đ (tiềm năng tăng giá 26%).

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2025

LNTT và doanh thu thuần Q2/2025 của HVN đều tăng mạnh, đạt lần lượt 3,1 nghìn tỷ đồng (tăng 167% so với cùng kỳ, giảm 16% so với quý trước) và 27,9 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ, giảm 8% so với quý trước).

Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên ước tính 645 tỷ đồng trong Q2/2025, bao gồm lỗ tỷ giá thuần 105 tỷ đồng và khoản bồi thường chi phí thuê tàu bay khoảng 750 tỷ đồng liên quan đến các tàu bay phải kiểm tra động cơ, LNTT từ HĐKD cốt lõi Q2/2025 tăng 119% so với cùng kỳ đạt 2,4 nghìn tỷ đồng và vượt dự báo 2,0 nghìn tỷ đồng của HSC nhờ chi phí đơn vị thấp hơn dự kiến. Chi tiết như sau.

Doanh thu thuần tăng nhờ lưu lượng hành khách tăng

Doanh thu thuần Q2/2025 tăng 14% so với cùng kỳ đạt 27,9 nghìn tỷ đồng nhờ lưu lượng hành khách cải thiện; lưu lượng khách luân chuyển (RPK) tăng 21% so với cùng kỳ. Công suất ghế luân chuyển (ASK) tăng thấp hơn, ở mức 19% so với cùng kỳ, khiến hệ số sử dụng ghế tăng lên mức 80,7% so với 78,0% trong Q2/2024.

Trong khi đó, lợi suất hành khách (doanh thu/RPK) giảm nhẹ 0,7% so với cùng kỳ, nhiều khả năng do giá vé trong nước giảm. Đáng chú ý, trong Q2/2025 lượng hành khách trong nước của HVN tăng 22% so với cùng kỳ lên 4,5 triệu lượt (trong Q2/2024, lượng hành khách trong nước giảm 16% so với cùng kỳ). Trong khi đó, lượng hành khách quốc tế tiếp tục tăng mạnh 21% so với cùng kỳ đạt 2,0 triệu lượt.

Với kết quả này, doanh thu thuần nửa đầu năm 2025 tăng 11% so với cùng kỳ đạt 58,5 nghìn tỷ đồng, đạt 52% dự báo cả năm 2025 của HSC.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025, HVN

LNTT mảng kinh doanh cốt lõi trong Q2/2025 tăng 119% so với cùng kỳ nhờ lưu lượng hành khách tăng và chi phí đơn vị giảm

	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	% dự báo 2025 của HSC
Doanh thu	27,968	14%	-8%	58,519	11.3%	52%
LNTT	3,058	167%	-16%	6,683	17.8%	57%
LNTT cốt lõi	2,413	119%	-39%	6,353	106.3%	54%
Lợi nhuận thuần	2,823	202%	-17%	6,223	18%	58%

Nguồn: HVN, HSC

Chi phí đơn vị giảm giúp hỗ trợ lợi nhuận

Chi phí đơn vị trong Q2/2025 giảm 10% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ (1) giá nhiên liệu bay giảm và (2) khoản bồi thường chi phí thuê tàu bay 750 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

- Giá nhiên liệu bay bình quân ở mức 81,6 USD/thùng, giảm 19% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước. Do chi phí nhiên liệu chiếm khoảng 30-35% tổng chi phí HĐKD nên giá nhiên liệu giảm đã hỗ trợ mạnh cho tỷ suất lợi nhuận.
- Trong Q2/2025, HVN ghi nhận khoản bồi thường chi phí thuê tàu bay 750 tỷ đồng cho các tàu bay phải dừng khai thác để kiểm tra động cơ do sự cố kỹ thuật của động cơ Pratt Whitney (Q2/2024: không có).

Nếu không tính đến khoản bồi thường một lần này, chi phí đơn vị trong Q2/2025 chỉ giảm 3% so với cùng kỳ.

Nhờ giá nhiên liệu giảm và khoản bồi thường chi phí thuê tàu bay không thường xuyên, tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2025 cải thiện lên mức 17,7% so với 11,0% trong Q2/2024 nhưng giảm so với 20,5% trong Q1/2025 do lợi suất hành khách giảm. Nếu không tính đến khoản bồi thường chi phí thuê tàu bay, tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2025 vẫn tăng so với cùng kỳ lên mức 15,0% nhờ hệ số sử dụng ghế cao hơn và giá nhiên liệu bay giảm.

Lỗ tài chính giảm mạnh

Trong Q2/2025, HVN ghi nhận lỗ tài chính 377 tỷ đồng, so với 1,2 nghìn tỷ đồng trong Q2/2024 (và 590 tỷ đồng trong Q1/2025). Nguyên nhân chính là lỗ tỷ giá thuần giảm xuống 105 tỷ đồng, so với 577 tỷ đồng trong Q2/2024 (và 165 tỷ đồng trong Q1/2025).

Chi phí lãi vay cũng giảm xuống 215 tỷ đồng (giảm 47% so với cùng kỳ và 14% so với quý trước) nhờ dư nợ vay giảm xuống 19,1 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối tháng 6/2025 so với 23,4 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối tháng 6/2024.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu; xem xét lại dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 41.611đ (tiềm năng tăng giá 26%). Với KQKD Q2/2025 của HVN vượt mạnh dự báo, chúng tôi đang xem xét lại dự báo của mình.

Lưu ý, HSC hiện dự báo LNTT từ HĐKD cốt lõi và lợi nhuận thuần năm 2025 của HVN đạt lần lượt 11,7 nghìn tỷ đồng và 10,8 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 103% và 39%). Dựa trên dự báo này, HVN đang giao dịch với EV/EBITDAR trượt dự phóng 1 năm ở mức 4,1 lần, tương đương giai đoạn trước đại dịch trong khi lợi nhuận đã vượt xa mức trước đại dịch.

Bảng 2: Số liệu hoạt động, HVN

Trong Q2/2025, lưu lượng hành khách và hệ số sử dụng ghế được cải thiện trong khi chi phí đơn vị giảm so với cùng kỳ

	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ
Số lượng hành khách (triệu khách)	6.5	21.2%	5.4%	12.7	14.1%
- Quốc tế	2.0	20.6%	0.3%	4.1	12.7%
- Trong nước	4.5	21.5%	7.9%	8.6	14.8%
ASK (tỷ ghế.km)	12.8	19.3%	4.4%	25.0	10.5%
RPK (tỷ khách.km)	10.3	20.5%	0.7%	20.5	13.6%
Hệ số sử dụng ghế (%)	80.7%	+0.8ppts	-3.0ppts	82.2%	+2.2ppts
Lợi suất hành khách (đồng/khách.km)	1,940	-0.7%	-10.0%	2,041	1.2%
Chi phí đơn vị (đồng/ghế.km)	1,567	-9.5%	-9.0%	1,643	-3.2%

Nguồn: HVN, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	91,540	105,942	113,474	115,643	123,106
Lợi nhuận gộp	3,885	13,902	20,081	17,910	18,899
Chi phí BH&QL	(6,473)	(7,180)	(7,691)	(7,838)	(8,343)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	(2,587)	6,722	12,390	10,073	10,556
Lãi vay thuần	(3,479)	(3,685)	(917)	(779)	(650)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	88.2	70.3	73.8	77.5	81.4
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	615	5,217	156	91.8	98.0
LN TT	(5,363)	8,325	11,703	9,463	10,085
Chi phí thuế TNDN	(269)	(458)	(555)	(449)	(478)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(299)	(393)	(363)	(381)	(400)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(5,930)	7,473	10,785	8,633	9,207
Lợi nhuận thuần ĐC	(5,930)	7,473	10,785	8,633	9,207
EBITDA ĐC	3,399	11,817	16,755	14,444	14,972
EPS (đồng)	(2,111)	2,660	3,190	2,185	2,330
EPS ĐC (đồng)	(2,111)	2,660	3,190	2,185	2,330
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,810	2,810	3,381	3,952	3,952
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,810	2,810	3,952	3,952	3,952
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,810	2,810	3,952	3,952	3,952

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,551	4,627	13,725	12,655	24,695
Đầu tư ngắn hạn	920	1,015	1,087	1,108	1,180
Phải thu khách hàng	6,122	7,322	7,843	7,993	8,509
Hàng tồn kho	3,431	3,369	3,609	3,678	3,915
Các tài sản ngắn hạn khác	1,860	1,004	1,075	1,096	1,167
Tổng tài sản ngắn hạn	14,884	17,338	27,339	26,530	39,465
TSCĐ hữu hình	13,706	12,887	10,609	8,599	7,404
TSCĐ vô hình	148	239	279	321	368
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	507	483	2,491	4,993	5,001
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,299	1,421	1,421	1,421	1,421
Tài sản dài hạn khác	27,173	25,818	24,199	22,107	21,584
Tổng tài sản dài hạn	42,833	40,849	38,999	37,441	35,779
Tổng cộng tài sản	57,717	58,187	66,338	63,971	75,244
Nợ ngắn hạn	17,562	14,311	12,141	9,773	10,421
Phải trả người bán	30,797	30,504	20,425	12,721	13,542
Nợ ngắn hạn khác	12,280	11,761	12,598	12,838	13,667
Tổng nợ ngắn hạn	61,171	57,159	45,788	35,968	38,306
Nợ dài hạn	9,806	6,172	8,126	6,929	6,549
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.27	1.53	1.64	1.67	1.78
Nợ dài hạn khác	3,764	4,199	2,006	2,044	2,176
Tổng nợ dài hạn	13,572	10,372	10,133	8,975	8,727
Tổng nợ phải trả	74,743	67,531	55,920	44,943	47,033
Vốn chủ sở hữu	(17,515)	(10,017)	9,746	18,356	27,539
Lợi ích cổ đông thiểu số	489	672	672	672	672
Tổng vốn chủ sở hữu	(17,026)	(9,344)	10,418	19,028	28,211
Tổng nợ phải trả và VCSH	57,717	58,187	66,338	63,971	75,244
BVPS (đ)	(6,233)	(3,565)	2,466	4,645	6,969
Nợ thuần*/(tiền mặt)	24,817	15,856	6,542	4,048	(7,725)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	(2,587)	6,722	12,390	10,073	10,556
Khấu hao	(5,986)	(5,095)	(4,365)	(4,371)	(4,416)
Lãi vay thuần	(3,479)	(3,685)	(917)	(779)	(650)
Thuế TNDN đã nộp	(231)	(325)	(555)	(449)	(478)
Thay đổi vốn lưu động	(971)	(4,585)	(14,018)	(8,921)	(647)
Khác	(2,579)	1,435	(688)	(610)	(471)
LCT thuần từ HKKD	1,004	9,441	2,212	5,089	13,855
Đầu tư TS dài hạn	(318)	(320)	(2,077)	(2,783)	(2,279)
Góp vốn & đầu tư	(1,095)	(1,489)	179	188	197
Thanh lý	834	568	0.00	0.00	0.00
Khác	1,246	1,492	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	667	250	(1,898)	(2,595)	(2,082)
Cổ tức trả cho CSH	(306)	(220)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	9,000	0	0
Tăng/giảm nợ	1,621	(3,425)	(216)	(3,564)	267
Khác	(2,928)	(3,964)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,613)	(7,609)	8,784	(3,564)	267
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,490	2,551	4,627	13,725	12,655
LCT thuần trong kỳ	57.6	2,082	9,098	(1,070)	12,040
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.14	(5.85)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,551	4,627	13,725	12,655	24,695
Dòng tiền tự do	686	9,120	136	2,306	11,576

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	4.24	13.1	17.7	15.5	15.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.71	11.2	14.8	12.5	12.2
Tỷ suất LNT (%)	(6.48)	7.05	9.50	7.47	7.48
Thuế TNDN hiện hành (%)	(5.02)	5.50	4.74	4.74	4.74
Tăng trưởng doanh thu (%)	30.0	15.7	7.11	1.91	6.45
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	179	248	41.8	(13.8)	3.66
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	47.5	226	44.3	(20.0)	6.65
Tăng trưởng EPS (%)	47.5	226	19.9	(31.5)	6.65
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	47.5	226	19.9	(31.5)	6.65
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	40.8	(54.3)	(7,958)	61.4	40.1
ROACE (%)	(96.2)	(554)	115	41.5	32.5
Vòng quay tài sản (lần)	1.55	1.83	1.82	1.77	1.77
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.39)	1.40	0.18	0.51	1.31
Số ngày tồn kho	14.3	13.4	14.1	13.7	13.7
Số ngày phải thu	25.5	29.0	30.7	29.9	29.8
Số ngày phải trả	128	121	79.8	47.5	47.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(143)	(160)	69.5	23.3	(27.1)
Nợ/tài sản (%)	47.8	35.6	30.9	26.5	22.9
EBIT/lãi vay (lần)	(0.74)	1.82	13.5	12.9	16.2
Nợ/EBITDA (lần)	8.11	1.75	1.22	1.17	1.15
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.24	0.30	0.60	0.74	1.03
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.29	1.03	1.22	1.17	1.01
EV/EBITDA ĐC (lần)	34.8	9.27	8.24	9.38	8.27
P/E (lần)	N/a	12.4	10.4	15.2	14.2
P/E ĐC (lần)	N/a	12.4	10.4	15.2	14.2
P/B (lần)	(5.31)	(9.29)	13.4	7.13	4.75
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn